CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Vinaconex 39

Ngày 30/09/2025	1,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	15.4%	**15.4%**	**15.4%**

DT thuần
Q3/25
4.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.53| -25.7%
YoY: ▲ 0.71| 19.1%

LN thuần
Q3/25
1.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.2| 118%
YoY: ▲ 7.66| 125%

LN sau thuế
Q3/25
200
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 275| 367%
YoY: ▲ 206| 3332%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
4721%
YoY: +/-▲ 5844%

ROE (TTM)
Q3/25
-164%
YoY: +/-▼ 226%

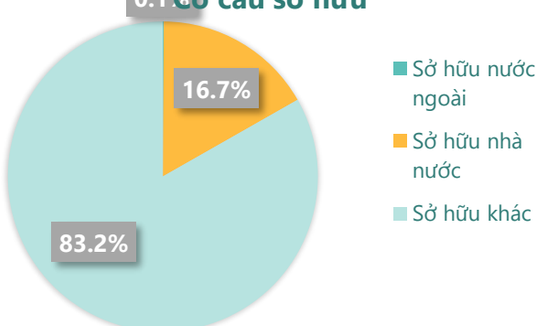
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,200 - 1,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	45
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,240
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.50
EPS	3,543
P/E	0.4

DT thuần
9T 2025
12.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.22| 50.2%

LN thuần
9T 2025
-13.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00| 31.3%

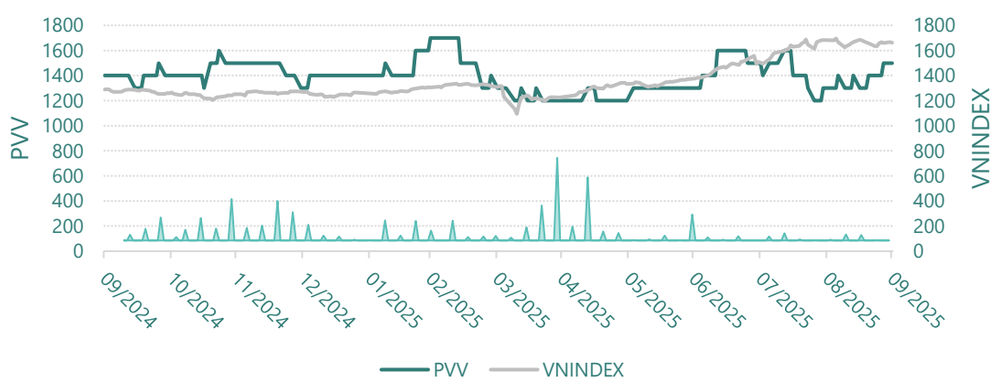
LN sau thuế
9T 2025
118
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 138| 688%

Cơ cấu sở hữu

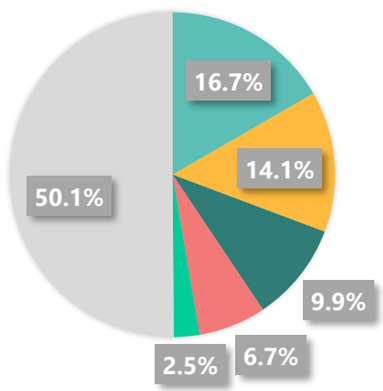


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

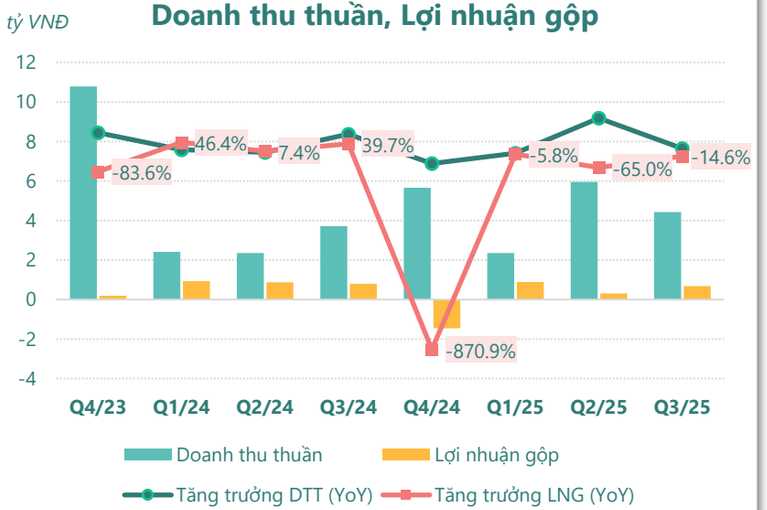


- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại
- Nguyễn Bích Hằng (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Việt Hưng (Thành viên HĐQT)
- Dương Ngọc Hùng
- CTCP Đầu Tư Xây Dựng Và Kỹ Thuật VNCN E&C
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

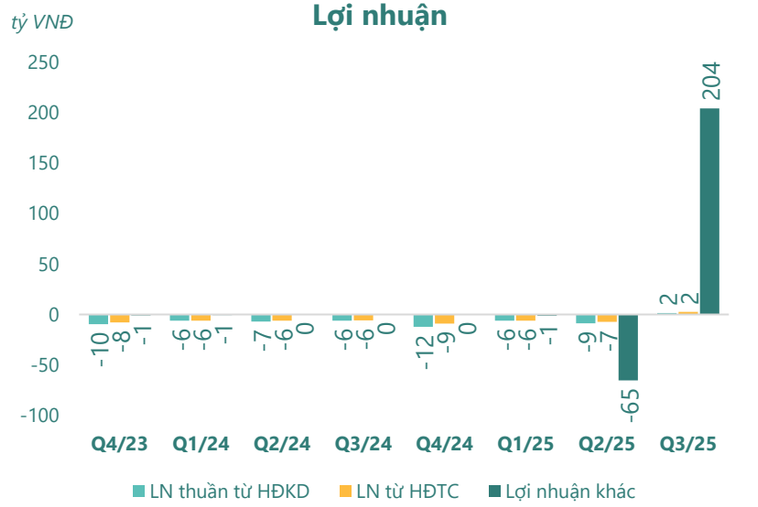
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



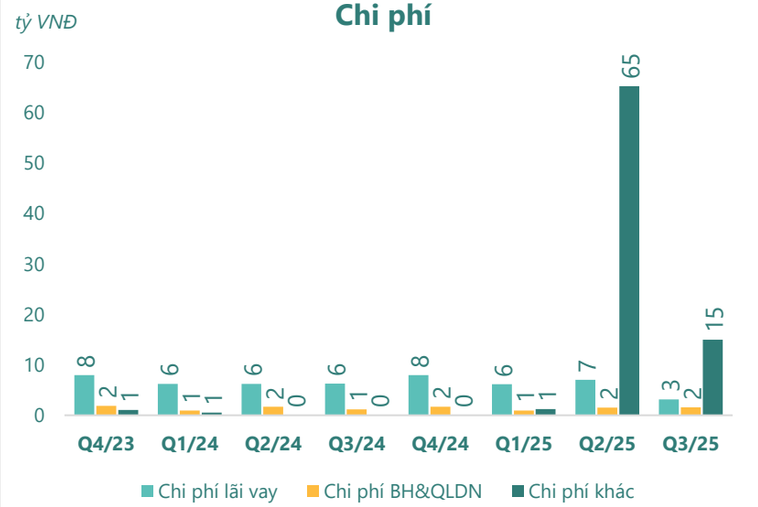
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



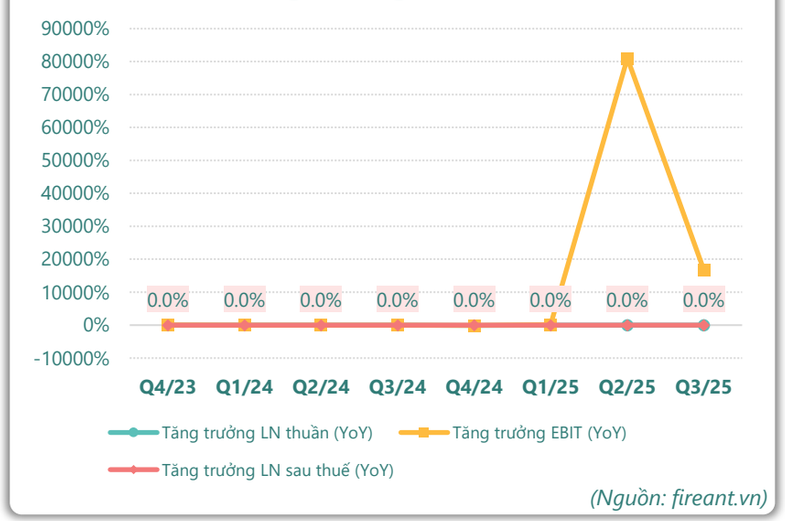
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



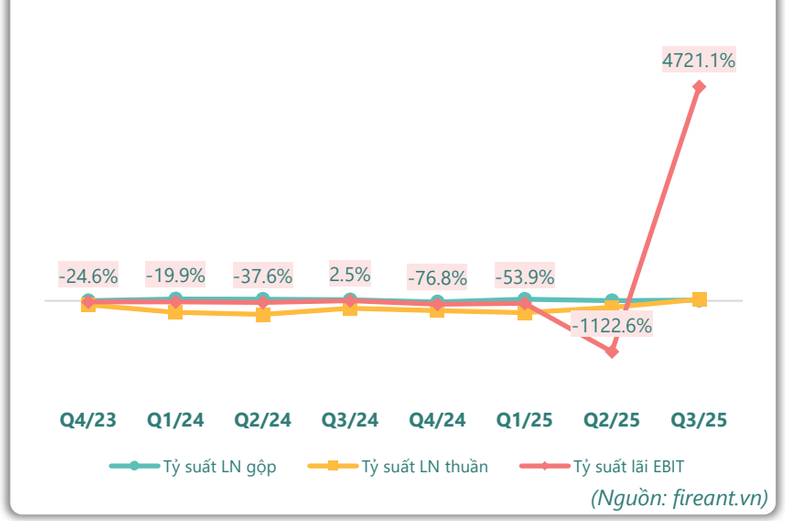
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



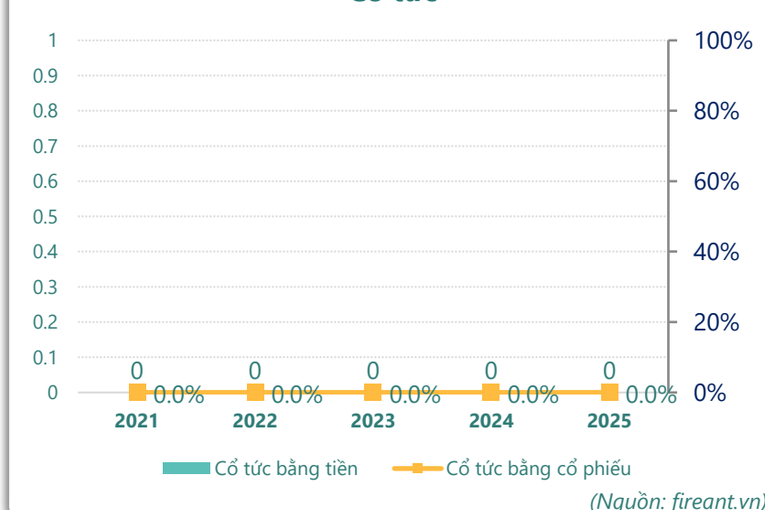
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

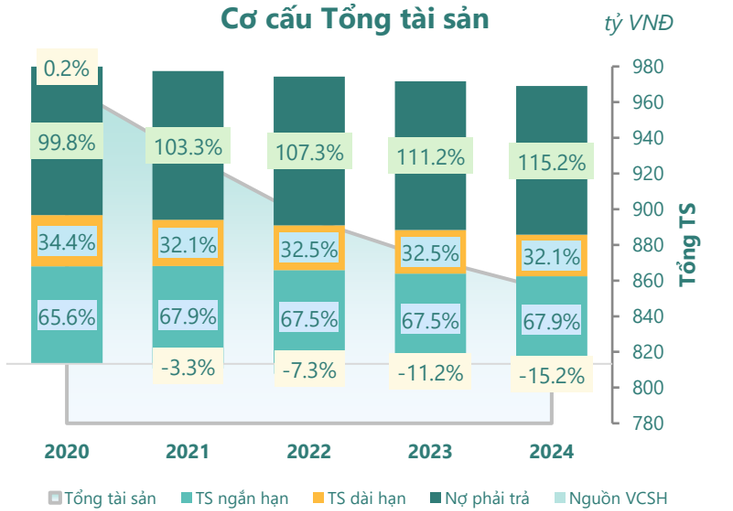
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

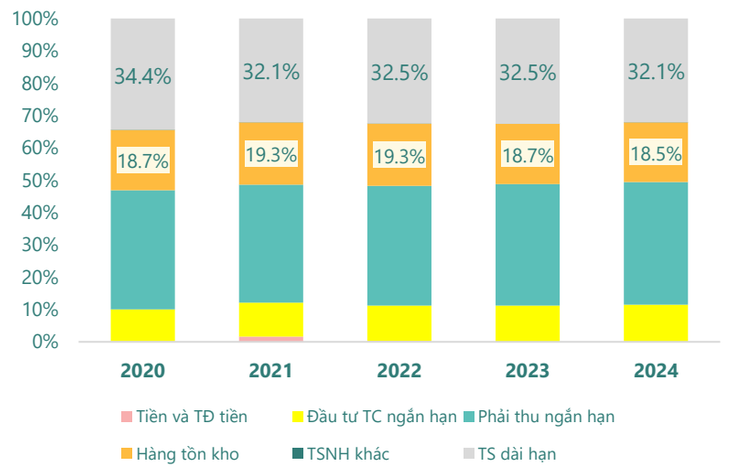
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



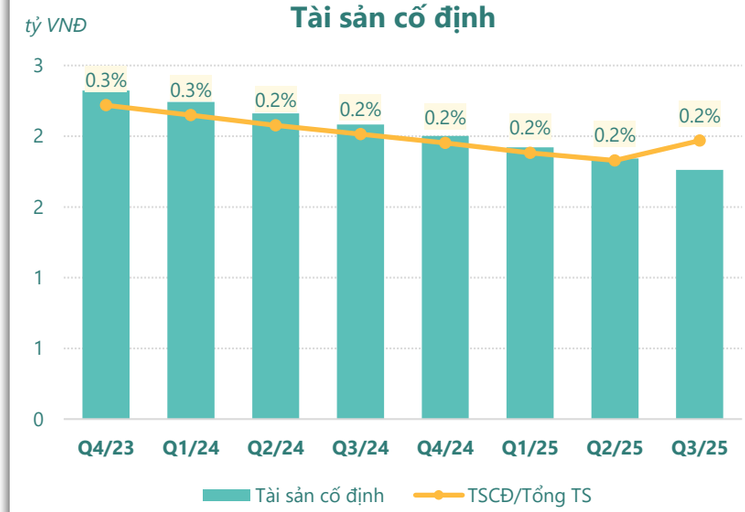
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



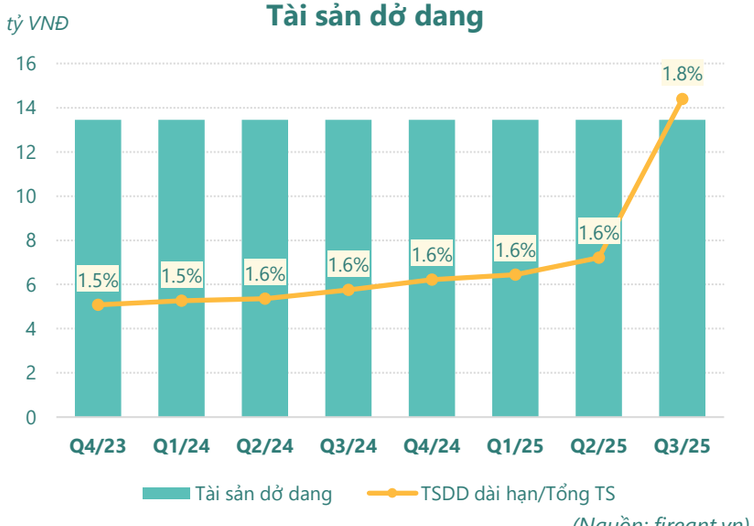
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



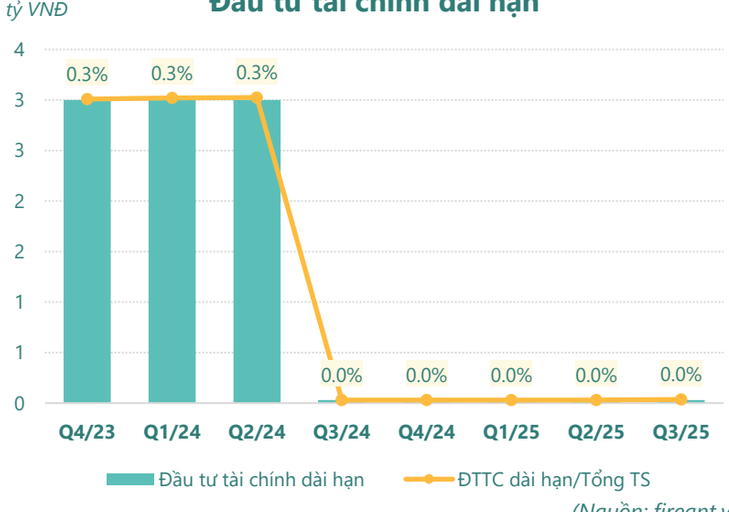
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



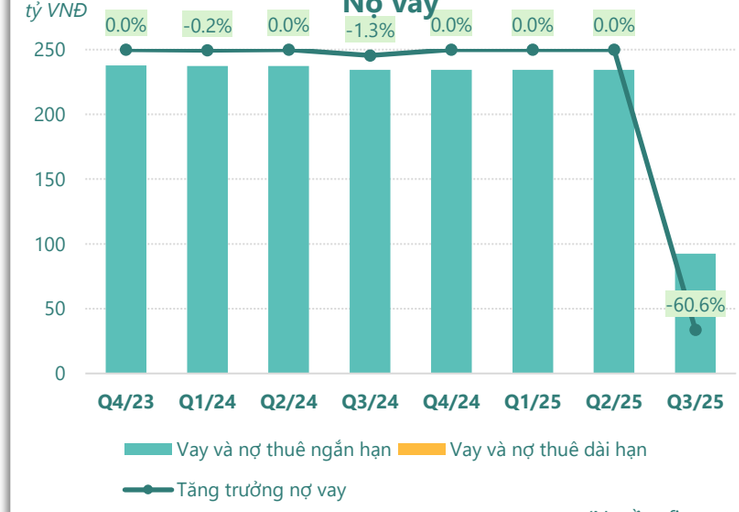
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

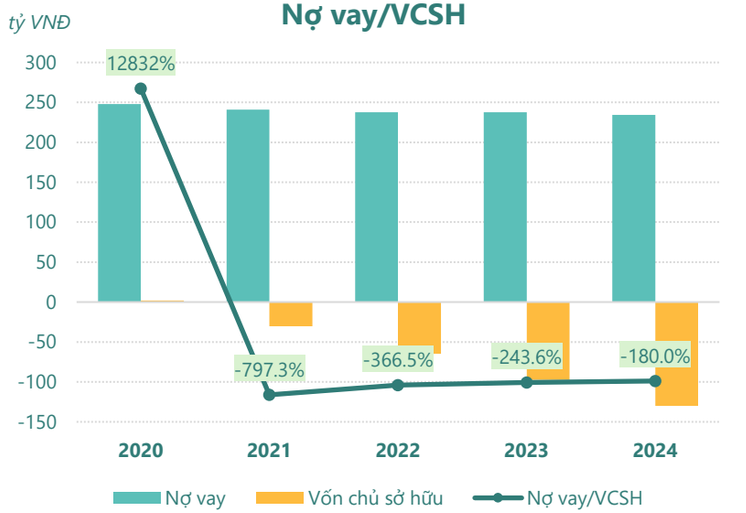
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



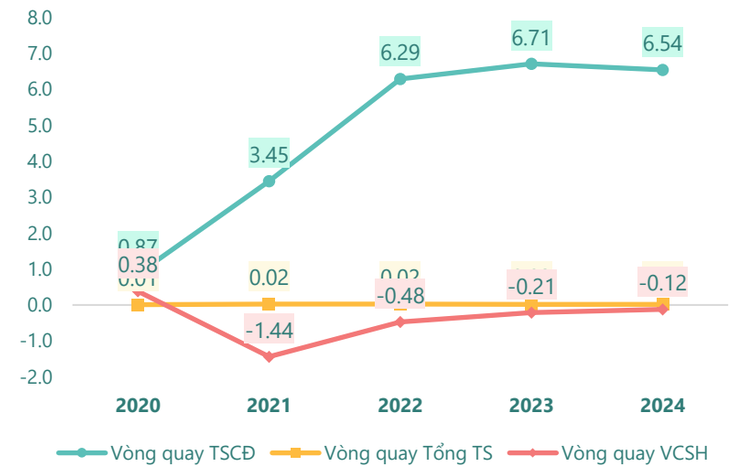
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



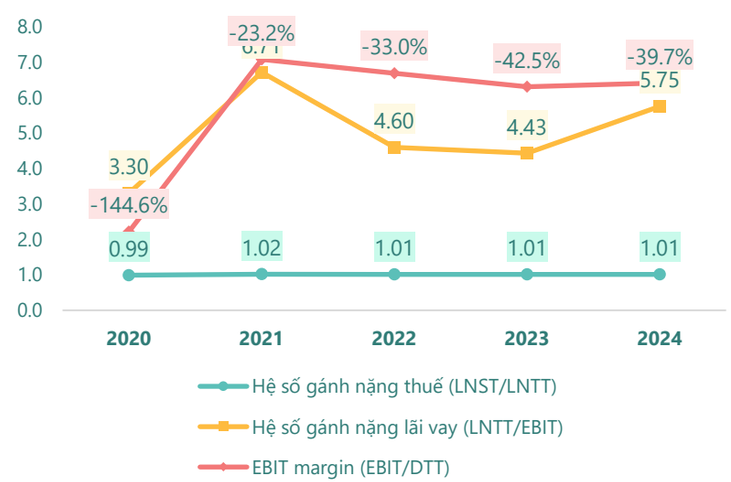
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



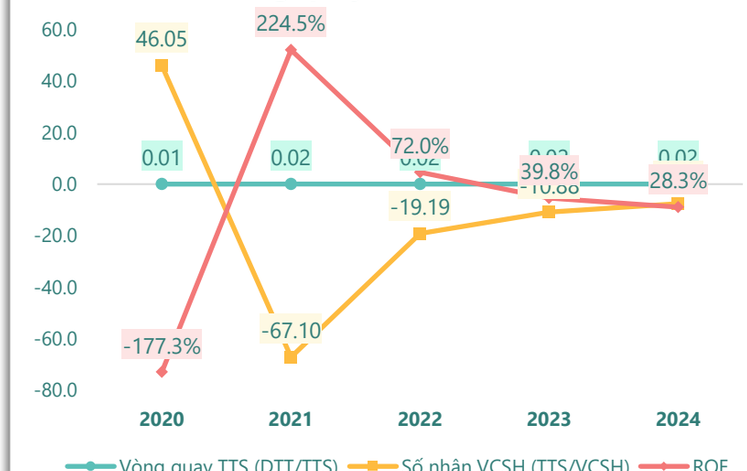
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



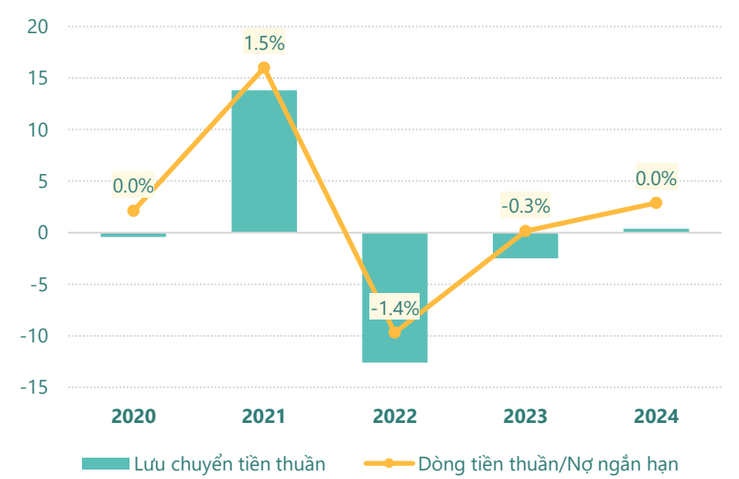
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.43**	**3.72**	**19.1%**	**12.7**	**8.48**	**50.2%**
Giá vốn hàng bán	3.75	2.93	28.0%	10.9	5.87	85.2%
Lợi nhuận gộp	0.68	0.80	-15.0%	1.87	2.62	-28.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.59	-99.6%	0.02	0.63	-97.5%
Chi phí TC	-2.47	6.32	-139%	11.1	18.8	-41.1%
Chi phí lãi vay	3.15	6.29	-50.0%	16.4	18.8	-12.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.01	0.00		0.01	0	
Chi phí QLDN	**1.59**	**1.18**	**34.3%**	**4.09**	**3.77**	**8.3%**
LN thuần từ HĐKD	1.55	-6.11	125%	-13.3	-19.3	31.3%
Lợi nhuận khác	**204**	**-0.09**	**227234%**	**138**	**-0.71**	**19592%**
LN trước thuế	206	-6.19	3428%	125	-20.0	722%
Lợi nhuận sau thuế	**200**	**-6.20**	**3332%**	**118**	**-20.0**	**688%**
LNST của CĐ cty mẹ	**200**	**-6.20**	**3332%**	**120**	**-20.0**	**696%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.16	-0.08	0.10	0.98	0.18	141
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	2.97	0	-0.70	-0.30	0.81
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-3.00	0	0	0	-142
Tiền đầu kỳ	0.40	0.56	0.45	0.55	0.84	0.72
Lưu chuyển tiền thuần	**0.16**	**-0.11**	**0.10**	**0.28**	**-0.12**	**-0.28**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.56	0.45	0.55	0.84	0.72	0.44

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**746**	**854**	**-12.7%**
Tài sản ngắn hạn	578	580	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	0.44	0.55	-19.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	98.1	97.8	0.3%
Phải thu ngắn hạn	334	324	3.0%
Hàng tồn kho	145	158	-8.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.97	0.00	23027%
Tài sản dài hạn	**167**	**274**	**-39.0%**
Phải thu dài hạn	91.8	194	-52.6%
Tài sản cố định	1.76	2.00	-12.0%
Bất động sản đầu tư	28.7	30.1	-4.8%
Tài sản dở dang	13.5	13.5	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**31.5**	**34.7**	**-9.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	758	985	-23.0%
Nợ ngắn hạn	**714**	**938**	**-23.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	92.4	234	-60.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	136	137	-0.6%
Nợ dài hạn	43.6	46.3	-5.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-12.3**	**-130**	**90.6%**
Vốn chủ sở hữu	**-12.3**	**-130**	**90.6%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)